



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

Số: 1039/QĐ-UBND-HC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 11 năm 2012

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CV ĐỀN Số: B.16.30
Ngày: 20/11/12

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Châu Thành đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số 121/BC-HĐTD, ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tại Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2012 và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 1662/SKH-ĐT/TH ngày 09 tháng 11 năm 2012 về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát huy các tiềm năng, lợi thế, thu hút mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị, kết hợp chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong từng ngành, từng lĩnh vực; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm, dịch vụ, các doanh nghiệp.

2. Tập trung đầu tư vào những ngành, lĩnh vực và địa bàn trọng điểm để tạo động lực thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững, đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa các địa bàn, gắn với phân bố dân cư hợp lý.

3. Tích cực mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực.

4. Gắn phát triển kinh tế với tiến bộ công bằng xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, phát triển môi trường bền vững. Chủ động ứng phó với tác động của biến đổi



khí hậu. Chú trọng giải quyết các vấn đề văn hóa, xã hội, an ninh trật tự. Tập trung xây dựng các xã nông thôn mới.

5. Kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển nhanh và toàn diện các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân/người luôn cao hơn mặt bằng chung của tỉnh.

- Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng mở rộng.

- Đảm bảo mức hưởng thụ các dịch vụ về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin truyền thông, thể dục, thể thao của nhân dân luôn cao hơn mặt bằng chung của tỉnh; hạn chế phân hóa về thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Phát triển nguồn nhân lực đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội. Đảm bảo quốc phòng - an ninh trong mọi tình huống.

2. Chỉ tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

- Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế 16,2%/năm giai đoạn 2011- 2015 và 15,6%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

- GDP bình quân đầu người theo giá so sánh 1994 đạt 1.359 USD vào năm 2015 và trên 2.718 USD vào năm 2020 (theo giá hiện hành đạt 1.740 USD vào năm 2015 và trên 3.220 USD vào năm 2020).

- Đến năm 2015, cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm 45,1%, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 25,1%, và ngành thương mại - dịch vụ chiếm 29,8% tổng giá trị GDP; đến năm 2020, cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm 35,5%, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 31,7% và ngành thương mại - dịch vụ chiếm 32,8% tổng giá trị GDP.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 10-12%/năm.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 20% vào năm 2015 và trên 25% vào năm 2020.

b) Về văn hóa, xã hội

- Dân số đến năm 2015 khoảng 157.212 người, năm 2020 khoảng trên 162.343 người. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3%/năm. Giải quyết việc làm cho 5.000 - 6.000 lao động/năm.

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi vào năm 2014; phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi. Đến năm 2020, có 95% trường mầm non, 100% trường tiểu học, 98% trường trung học cơ sở và 100% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia và đạt tiêu chí giáo dục ở các xã nông thôn mới.

- Tỷ lệ số hộ dùng điện đạt 98,0% vào năm 2015 và đạt 99,8% vào năm 2020. Đến năm 2015, có 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế. Đến năm 2020, đạt 8,5 bác sĩ và 25 giường bệnh/vạn dân.

- Tỷ lệ số hộ sử dụng nước sạch đạt 95% vào năm 2015 và đạt 98,7% vào năm 2020.



- Đến năm 2015, có trên 86% gia đình, 92% áp, 100% công sở và đến năm 2020, có trên 88% gia đình, 95% áp đạt tiêu chuẩn văn hóa. Dân số tập thể dục - thể thao thường xuyên đạt 40% vào năm 2015 và 45% vào năm 2020. Đến năm 2015, có 3 xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới.

c) Về bảo vệ môi trường

- Đến năm 2020, 100% rác thải đô thị, rác thải y tế được thu gom và xử lý. Phần đầu 100% cơ sở sản xuất xây dựng mới có công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị làm giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Các cụm công nghiệp, khu đô thị mới có hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Về nông nghiệp, thủy sản

Phát triển nông nghiệp toàn diện, nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, đảm bảo phát triển bền vững; sản xuất tập trung, đáp ứng nhu cầu thị trường. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng 6,2%/năm giai đoạn 2011-2015 và 5,5%/năm giai đoạn 2016-2020. Trong đó:

a) Nông nghiệp: tập trung phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, tạo ra sản phẩm chất lượng cao, có nhãn hiệu, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và tham gia thị trường nước ngoài. Ôn định các vùng chuyên canh lúa, rau màu; phát triển vườn cây ăn trái theo hướng GAP đối với các loại cây có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ tốt, như: nhãn, cây có múi... kết hợp phát triển du lịch sinh thái, du lịch miệt vườn.

b) Phát triển chăn nuôi tại khu vực xa đô thị, chuyển dần chăn nuôi nhỏ lẻ sang hình thức trang trại chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, kết hợp vệ sinh phòng dịch, bảo đảm an toàn môi trường.

c) Thủy sản: phát triển mạnh mô hình nuôi thủy sản chuyên canh; nuôi tôm, cá trên ruộng lúa, mương vườn và nuôi lồng bè. Phát triển thủy sản ở vùng đất cồn, kết hợp với du lịch sinh thái miệt vườn, tạo làng nghề phục vụ du lịch miền sông nước.

d) Cây phân tán: tập trung trồng mới cây phân tán trên các trục giao thông nông thôn, các bờ bao vùng và tiểu vùng thủy lợi, khu vực kinh tế vườn, khu du lịch sinh thái, cụm công nghiệp. Vận động phong trào trồng cây phân tán tại khu vực đô thị, các công trình xây dựng công cộng.

2. Về thương mại và dịch vụ

Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 21,1%/năm giai đoạn 2011-2015 và đạt 20,41%/năm giai đoạn 2016-2020.

- Đến năm 2020, kêu gọi đầu tư xây dựng cơ bản hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng giao thông đến các chợ, các xã, đáp ứng tốt nhu cầu lưu thông hàng hóa trong và ngoài huyện.

- Khuyến khích đầu tư hệ thống các cửa hàng bán lẻ, đa dạng hóa các kênh phân phối hàng hóa, dịch vụ đến tận trung tâm các xã.

- Phát triển hệ thống các chợ nông thôn, chợ trung tâm xã, tạo sự liên kết thương mại với các siêu thị, chợ đầu mối thu mua hàng nông sản.

- Kêu gọi đầu tư xây dựng khu thương mại - dịch vụ tập trung tại trung tâm thị trấn Cái Tàu Hạ và Nha Mân; đầu tư siêu thị kinh doanh tổng hợp tại thị trấn Cái



Tàu Hạ; nâng cấp và xây dựng mới 22 chợ, trong đó, có 01 chợ loại I, 01 chợ loại II và 20 chợ loại III.

- Kêu gọi đầu tư các khu du lịch sinh thái dọc theo các cồn quanh sông Tiền, kết hợp vườn cây ăn trái với du lịch đền Phù Hựu; xây dựng các điểm dừng chân đón khách du lịch đi qua huyện.

3. Về công nghiệp, xây dựng

Phân đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 28,46%/năm giai đoạn 2011-2015 và đạt 19,7%/năm giai đoạn 2016-2020.

a) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến với quy mô phù hợp với vùng nguyên liệu và nguồn cung cấp nguyên liệu. Đa dạng hóa chế biến lương thực phục vụ cho nhu cầu tại chỗ và xuất khẩu.

Nâng cao chất lượng, số lượng và chủng loại vật liệu xây dựng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường; phát triển các cơ sở cơ khí ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhằm đáp ứng nhu cầu sửa chữa tại chỗ.

b) Ngành xây dựng: tập trung vào các công tác chỉnh trang và xây dựng mới các khu đô thị, các cụm, điểm công nghiệp và dãy đô thị dọc theo tuyến Vĩnh Long - Nha Mân - Sa Đéc; xây dựng các công trình phúc lợi công cộng kèm theo các khu đô thị, khu tái định cư...

4. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

Nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn huyện, bảo đảm tính kết nối, hòa mạng với hệ thống giao thông trong tỉnh và hệ thống giao thông trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng, nâng cấp mạng lưới giao thông nông thôn, bảo đảm nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân.

Nạo vét, khai thông các tuyến sông, rạch, bảo đảm giao thông thủy được thuận lợi trên địa bàn huyện và các vùng lân cận.

b) Thủy lợi

Nâng cấp đê bao kết hợp với đường giao thông, nạo vét duy tu các kênh tạo nguồn; quy hoạch chuyển chức năng một số kênh, rạch thành trực thoát nước chính kết hợp với giao thông trong quá trình phát triển mở rộng đô thị trong tương lai.

c) Cấp điện, cấp, thoát nước và xử lý nước thải

Phát triển đồng bộ hệ thống cấp điện, cấp nước sạch, hệ thống thoát, thu gom và xử lý nước thải, rác thải công nghiệp - đô thị.

5. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

- Phân đấu đến năm 2020, tỷ lệ người biết chữ đạt 95%; duy trì kết quả xóa mù chữ. Thực hiện và hoàn thành phổ cập giáo dục năm non trẻ em 5 tuổi vào năm 2014; phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi, tiến hành phổ cập trung học phổ thông bắt đầu từ thị trấn Cái Tàu Hạ. Phân đấu đến năm 2020, đạt tiêu chí giáo dục ở các xã nông thôn mới.

- Phân đấu đến năm 2020, có 95% trường mầm non, 100% trường tiểu học, 98% trường trung học cơ sở và 100% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Tiếp tục sáp nhập mạng lưới trường, lớp, huy động nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị thực hành cho các trường học. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục.



b) Khoa học - công nghệ và môi trường

- Ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ; sử dụng các máy móc, vật liệu, công nghệ mới phục vụ sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Kiểm tra chặt chẽ việc thu gom và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải y tế; khắc phục nạn ô nhiễm ở các cơ sở tiêu, thủ công nghiệp phân tán; thực hiện tốt chương trình nước sạch đô thị và nông thôn; hạn chế việc sử dụng hóa chất trong sản xuất nông, thủy sản; triển khai và thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp quy có liên quan đến việc bảo vệ môi trường trên toàn địa bàn.

c) Dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở, trang thiết bị, cung cấp mạng lưới y tế, mở rộng các dịch vụ y tế, quản lý tốt các cơ sở y được tư nhân, kết hợp tốt đông y và tây y trong khám và điều trị; thực hiện công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, đặc biệt chú ý đối tượng chính sách, người già, từng bước mở rộng bảo hiểm y tế toàn dân.

- Tiếp tục duy trì các hoạt động thông tin, truyền thông y tế trên diện rộng; bảo vệ bà mẹ và chăm sóc sức khỏe trẻ em đi đôi với chăm sóc sức khỏe sinh sản, thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

- Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia và địa phương. Xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Quản lý sức khỏe bà mẹ - trẻ em đến từng hộ gia đình, đảm bảo dinh dưỡng hợp lý.

d) Văn hóa và thể dục, thể thao

- Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phấn đấu đến năm 2020, có 100% cơ quan, trường học; 95% áp và 90% xã đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Tất cả trường học đều tập thể dục nội khóa, 90% trường có hoạt động thể dục - thể thao ngoại khóa thường xuyên; đến năm 2020, có 52% dân số và 27,5% hộ gia đình tập thể dục - thể thao thường xuyên.

d) Giảm nghèo, giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội

- Giải quyết tốt các chế độ, chính sách, đảm bảo gia đình chính sách, người có công có mức sống từ trung bình trở lên so với cộng đồng nơi cư trú.

- Hoàn thành cơ bản công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội, hỗ trợ đời sống, xây nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách; tiếp tục phát huy vai trò của các thành phần kinh tế thu hút nhiều lao động, tăng cường đào tạo nghề và hướng nghiệp, nâng cao trình độ dân trí, hỗ trợ tín dụng, tạo mọi điều kiện để người dân có việc làm, ổn định cuộc sống.

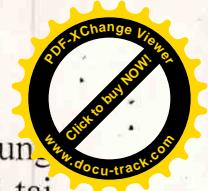
6. Quốc phòng - an ninh

- Đảm bảo sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự điều hành của chính quyền đối với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Củng cố, xây dựng lực lượng quân sự, công an cơ sở; quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; kiểm tra, xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm pháp luật; giữ vững an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy và kiềm chế tai nạn giao thông trên địa bàn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Vùng thị trấn và đô thị loại V



Phát triển khu đô thị trung tâm, khu đô thị công nghiệp - dịch vụ, các trung tâm thương mại - dịch vụ có tính chất đầu mối. Phát triển các khu dân cư mới tại thị trấn kết hợp với phát triển các hoạt động kinh tế đô thị.

2. Vùng nông thôn

Phát triển các vùng sản xuất lúa 3 vụ tại khu vực 1; lúa 2 vụ tại khu vực 2, với phương án kết hợp lúa - rau màu, lúa - thủy sản và một số loại hình nông nghiệp chất lượng cao; phát triển trang trại chăn nuôi tại khu vực xa dân cư.

V. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Để đạt được những mục tiêu đề ra, nhu cầu vốn đầu tư dự kiến 46.599 tỷ đồng (giá hiện hành). Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, huyện cần có các giải pháp huy động nguồn vốn từ nhân dân và doanh nghiệp cho từng ngành, lĩnh vực:

- Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương và tỉnh: tích cực kiến nghị các cấp trung ương và tỉnh trong việc ghi vốn các công trình và đầu tư theo kế hoạch; phối hợp thực hiện tốt khâu giải phóng mặt bằng, bồi thường, giải tỏa; tạo điều kiện cho các đơn vị tư vấn, thi công thực hiện nhanh các dự án, công trình.

- Đối với nguồn vốn ngân sách huyện: tính toán tiến độ và phân kỳ đầu tư để phân bổ vốn cho các công trình một cách hợp lý; ưu tiên các công trình quan trọng để tạo động lực thúc đẩy phát triển chung; sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư theo đúng tiến độ; khai thác sử dụng hiệu quả quỹ đất đai.

- Đối với nguồn vốn trong dân: khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tăng vốn đầu tư, liên kết, liên doanh phát triển sản xuất kinh doanh; phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh xúc tiến đầu tư toàn diện công nghiệp, thương mại - dịch vụ trên địa bàn.

2. Giải pháp về nguồn nhân lực

Tập trung đào tạo nhân lực cho nông thôn. Kết hợp dạy nghề với tư vấn và hỗ trợ việc làm khu vực nông thôn.

Khuyến khích phát triển quỹ khuyến học, cấp học bổng cho học sinh giỏi, học sinh nghèo và đổi tượng chính sách.

3. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Phối hợp với các sở, ngành tỉnh, các địa phương đưa tiến bộ khoa học - công nghệ phục vụ phát triển sản xuất.

- Thông qua các tổ chức khuyến nông, khuyến công và các phương tiện thông tin đại chúng đưa thông tin khoa học và công nghệ về nông thôn.

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống.

4. Giải pháp về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định của pháp luật, các chương trình về bảo vệ tài nguyên nước và môi trường; khai thác một cách hợp lý và có hiệu quả tài nguyên đất.

- Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường; đẩy mạnh công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường kết hợp với công tác lập kế hoạch, cân đối nguồn lực, tăng cường quản lý nhà nước về môi trường. Dự báo



diễn biến môi trường, thực hiện đồng bộ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhất là khu vực đô thị, khu sản xuất công nghiệp tập trung.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH

1. Sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện phải tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong huyện; đồng thời, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể thực hiện Quy hoạch.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng thời kỳ.

3. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch này.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020 được phê duyệt là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành và các dự án đầu tư trên địa bàn.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành căn cứ vào những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện được nêu trong Quy hoạch này, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện Quy hoạch theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.)(

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- TT/Tỉnh ủy, TT/HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương

Nguyễn Văn Dương





PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND-HC ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020)

TT	TÊN ĐỀ ÁN, DỰ ÁN
A	CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN HUYỆN
1	Đề án phát triển khu đô thị thị trấn Cái Tàu Hạ theo hướng đô thị loại IV, khu Nha Mân theo hướng đô thị loại V.
2	Đường từ UBND xã An Khánh - An Phú Thuận - Lộc Hoà (đoạn An Phú Thuận - cầu vàm Hàng Thẻ)
3	Bến đò Tứ Phước và đường dẫn vào bến đò
4	Đường Khu dân cư III, Thị trấn Cái Tàu Hạ
5	Chương trình mục tiêu: 3 xã nông thôn mới
6	Trường THCS Tân Nhuận Đông
7	Nhà văn hoá Đa năng huyện Châu Thành
8	Xây dựng 11 trạm cấp nước
9	Xây dựng 67 trạm bơm điện
10	Dự án Hạ tầng thủy sản (đường từ Rạch Cò - UBND xã An Hiệp; đường từ Giáo Hội đến khu đất Vũng Tàu 2; cầu ngang sông Sa Đéc và đường bao quanh khu cồn Bạch Viên)
11	Bến xe huyện, bến xe Nha Mân, bến xe Hòa Tân, bến xe Tân Phú
B	CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ
I	Lĩnh vực thương mại - dịch vụ và du lịch
1	Siêu thị Cái Tàu Hạ và nâng cấp Siêu thị Nha Mân
2	Khu du lịch sinh thái tổng hợp
3	Đầu tư xây dựng các chợ xã: Phú Hựu, An Phú Thuận, An Khánh, Kinh Mới, kênh 19, Xeo Mát, Hang Mai, An Hiệp, Tân Bình, Bình Tiên, Tân Phú Trung, Tân Phú
4	Khu thương mại nhà lồng chợ A, chợ Cái Tàu Hạ
II	Lĩnh vực công nghiệp
1	Cụm công nghiệp Tân Hựu, Tân Lập, Tân Bình
2	Tuyến công nghiệp Mương Khai, xã Tân Phú Trung
3	Tuyến công nghiệp Tân Bình - Tân Nhuận Đông
4	Cụm công nghiệp An Nhơn (15 ha, chuyên gạch ngói)
5	Dự án bố trí, sắp xếp các cơ sở công nghiệp ngoài các khu, cụm công nghiệp



III Lĩnh vực hạ tầng và phát triển đô thị	
1	Quy hoạch Khu đô thị mới Nha Mân
2	Nâng cấp, phát triển đô thị Cái Tàu Hạ
3	Xây dựng đường Cái Tàu Hạ đến Sa đéc
4	Hệ thống cầu tuyến ĐT854: cầu Xẻo Trầu, cầu Xẻo Lò, cầu Xẻo Dời, cống Kiến Hùng
IV Lĩnh vực văn hóa - xã hội	
1	Các dự án xã hội hóa về y tế
2	Các dự án xã hội hóa về giáo dục - đào tạo
3	Các dự án xã hội hóa văn hóa - thể thao
4	Cải tạo hệ thống thoát nước và xây dựng hệ thống xử lý nước thải công cộng tại các khu tập trung

Ghi chú: về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư.